CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Tập đoàn Đạt Phương

Ngày 30/09/2025	45,500 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	1.1%	**5.1%**	**42.1%**

DT thuần
Q3/25
1,176
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 34.0| 3.0%
YoY: ▲ 431| 57.9%

LN thuần
Q3/25
102
tỷ VNĐ
QoQ: ▼9.00| -8.3%
YoY: ▲ 66.0| 183%

LN sau thuế
Q3/25
83.3
tỷ VNĐ
QoQ: ▼20.7| -19.9%
YoY: ▲ 61.1| 275%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/25
10.9%
YoY: +/-▼ 1.3%

ROE (TTM)
Q3/25
11.5%
YoY: +/-▲ 1.8%

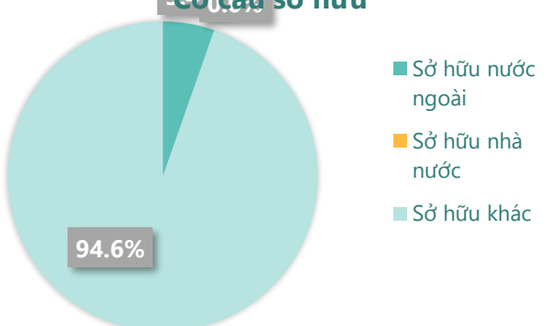
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	25,981 - 51,500
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	4,586
Số lượng CPLH (CP)	100,799,032
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,798,445
Sở hữu nước ngoài	5.4%
Beta	1.08
EPS	3,037
P/E	15.0

DT thuần
9T 2025
2,845
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 714| 33.5%

LN thuần
9T 2025
319
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 120| 59.9%

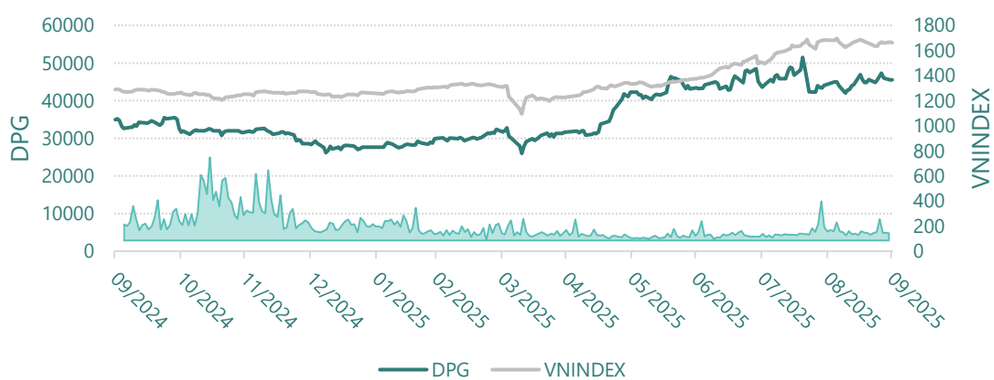
LN sau thuế
9T 2025
288
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 116| 67.0%

Cơ cấu sở hữu

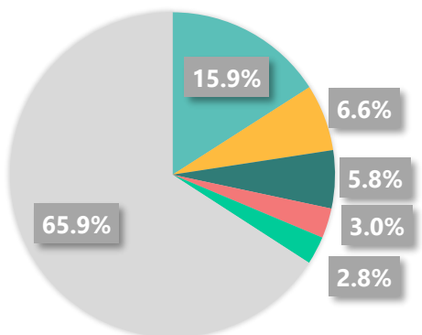


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



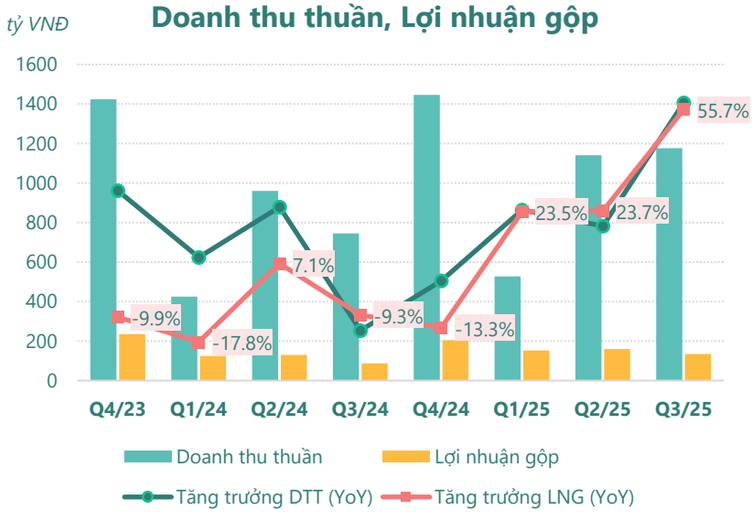
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

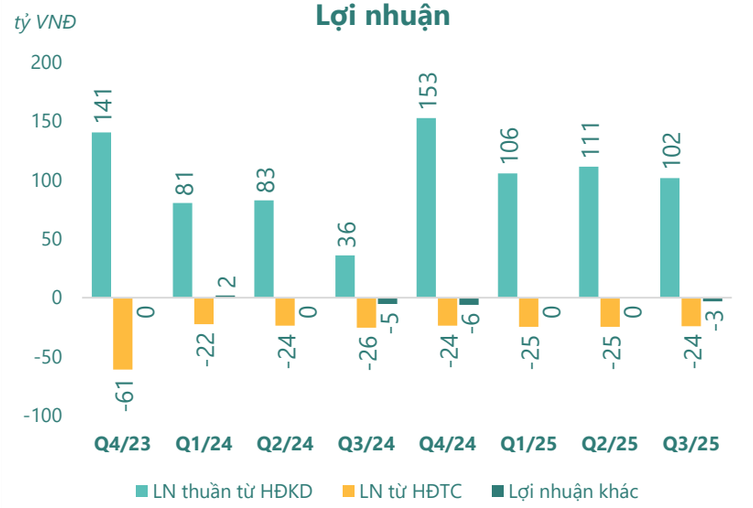
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



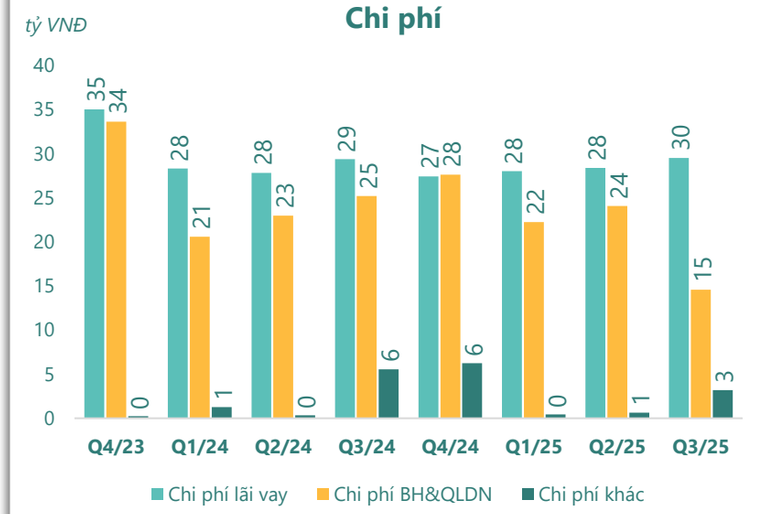
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



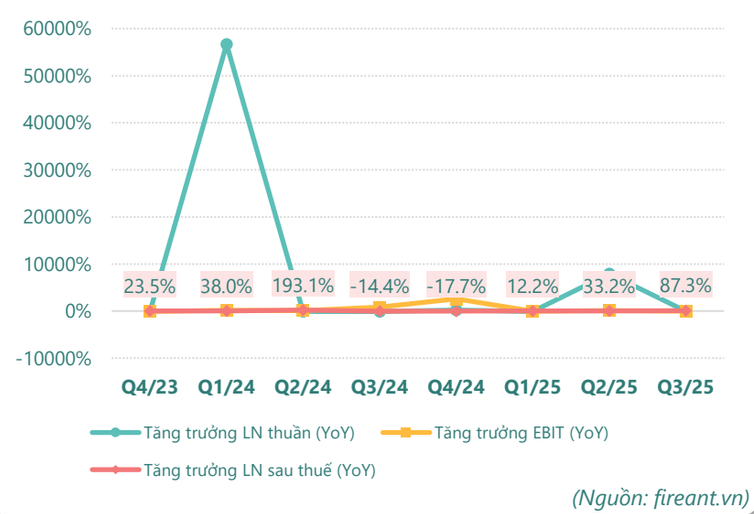
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



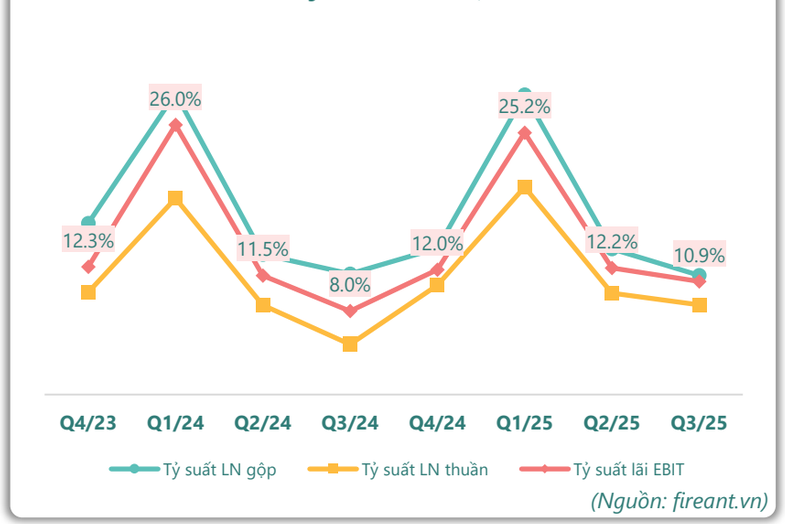
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



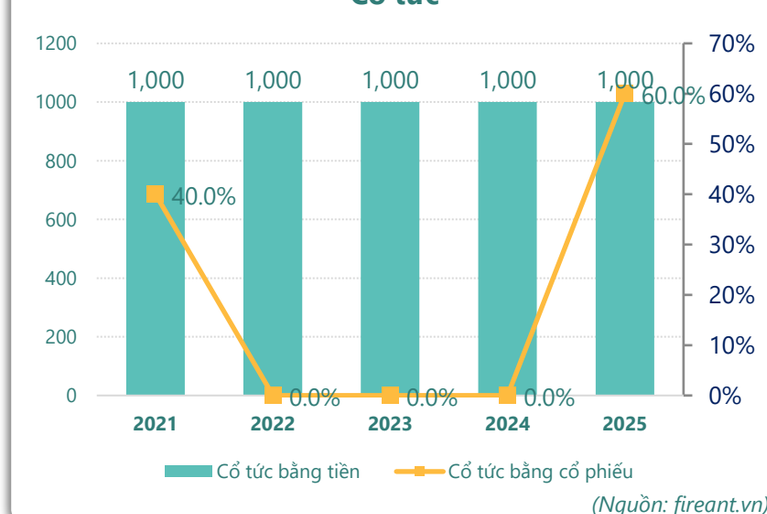
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

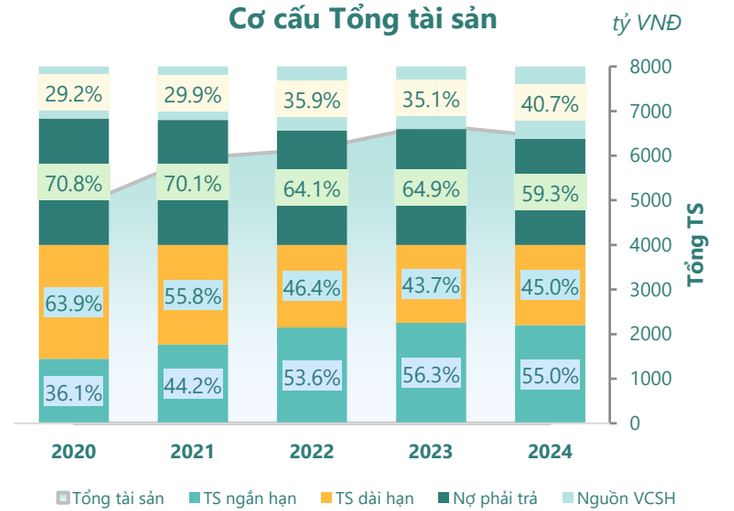
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

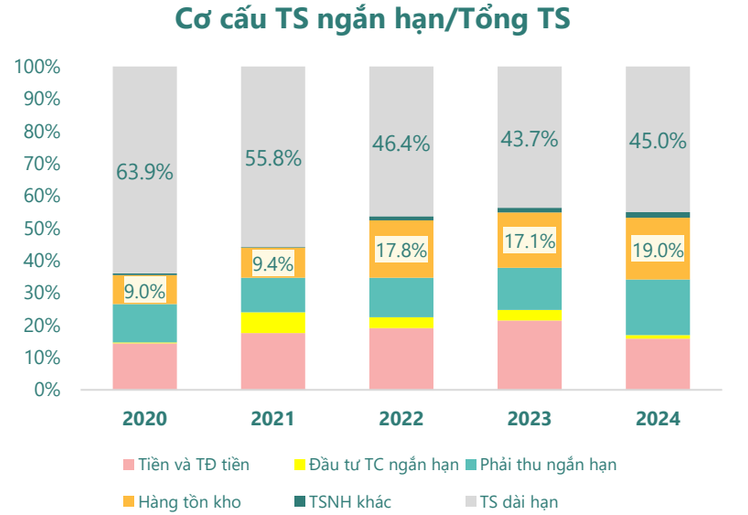
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



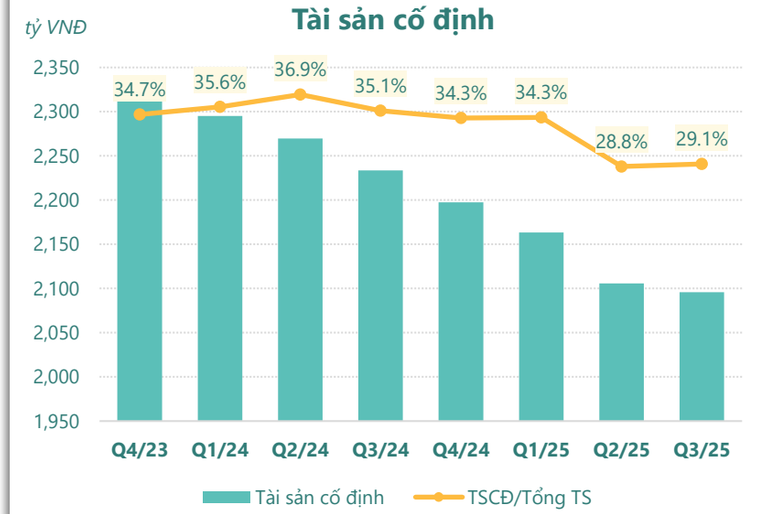
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



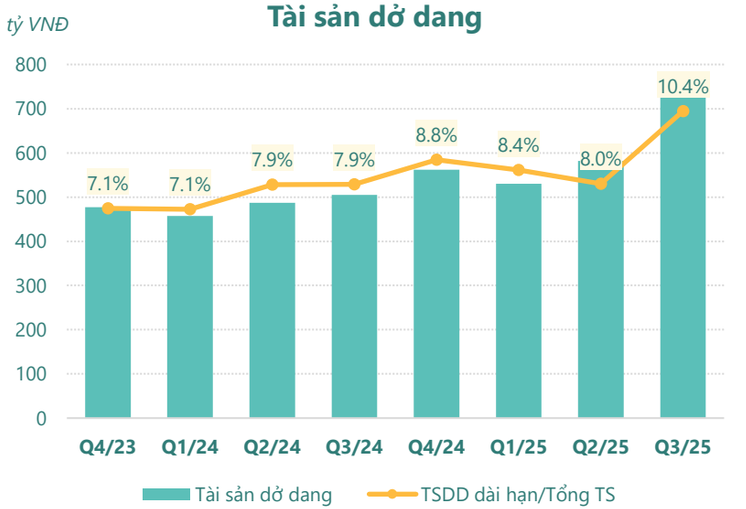
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



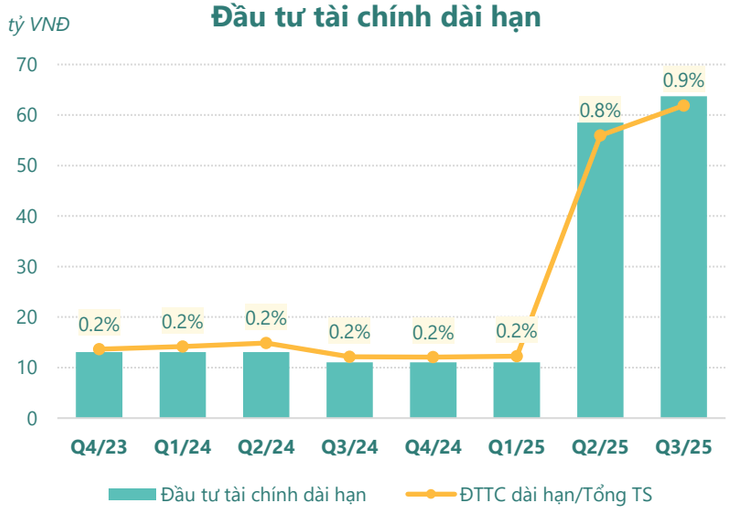
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



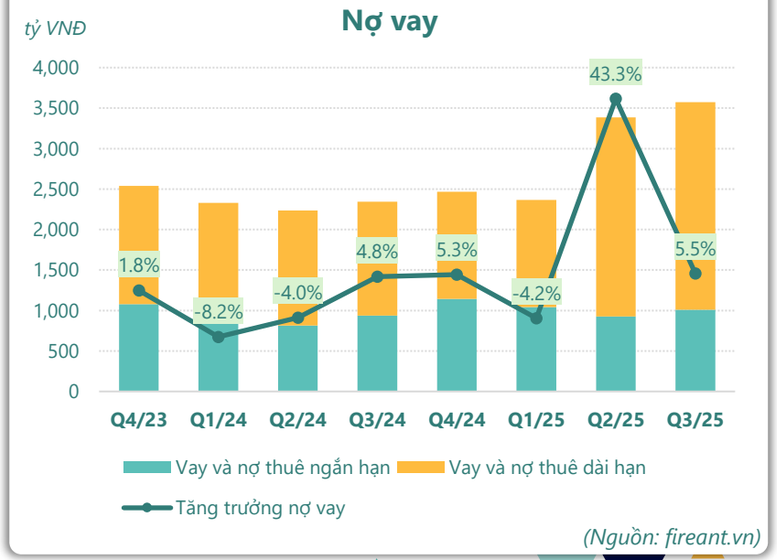
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

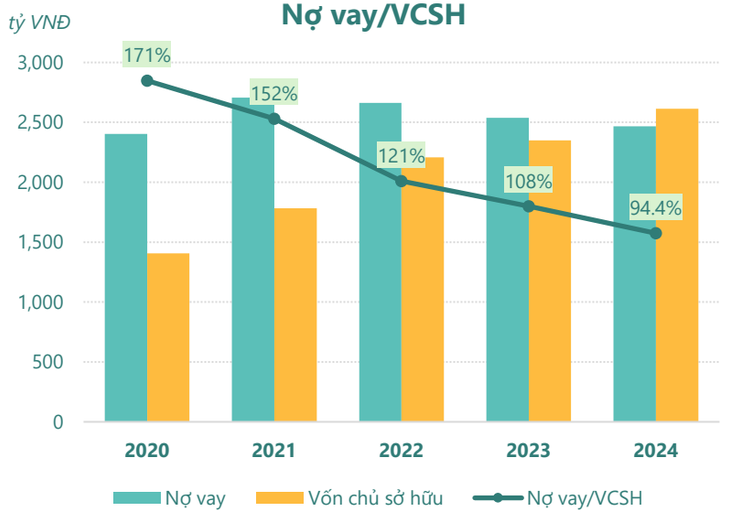
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

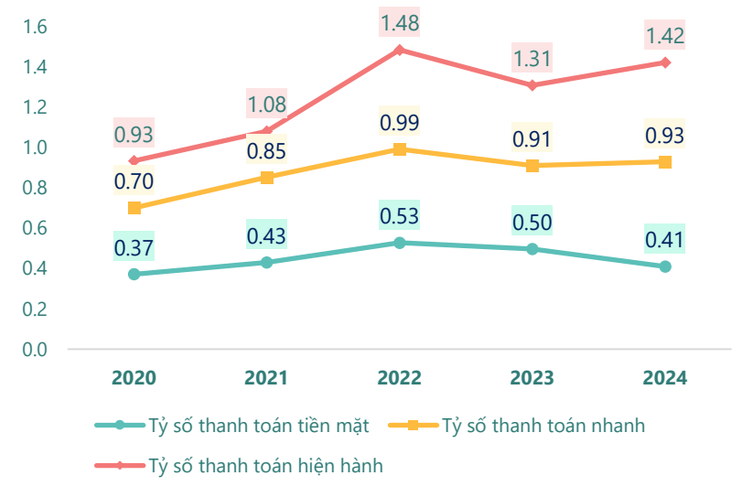
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



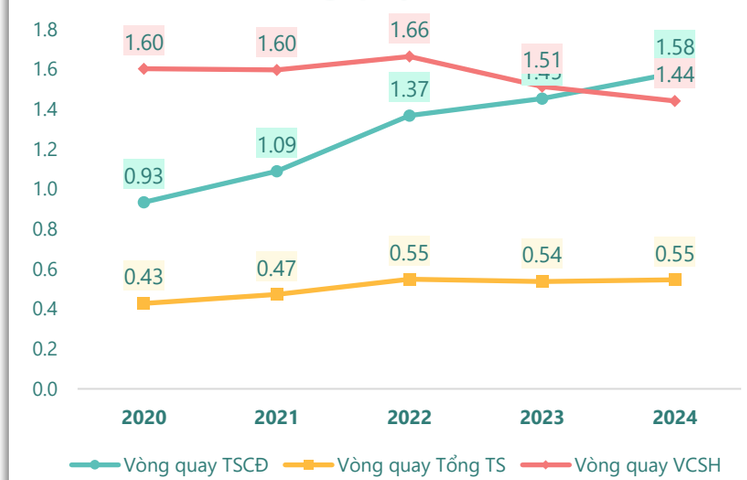
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



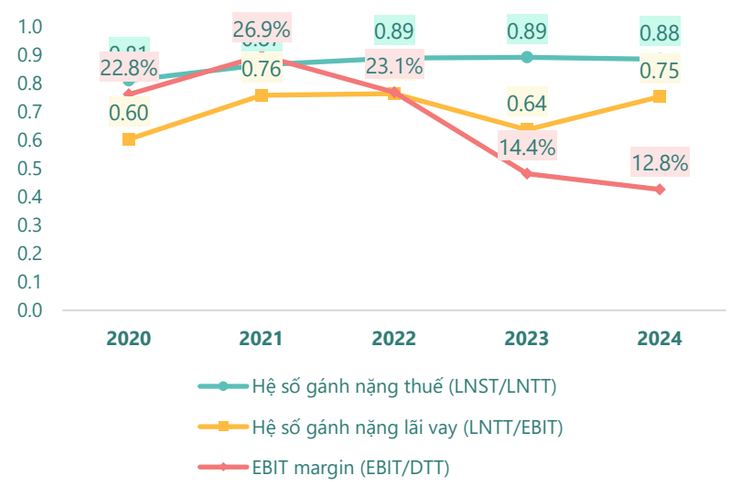
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



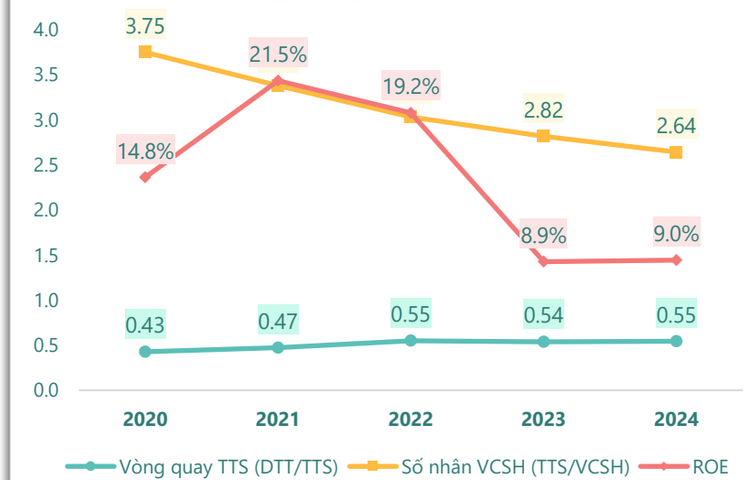
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



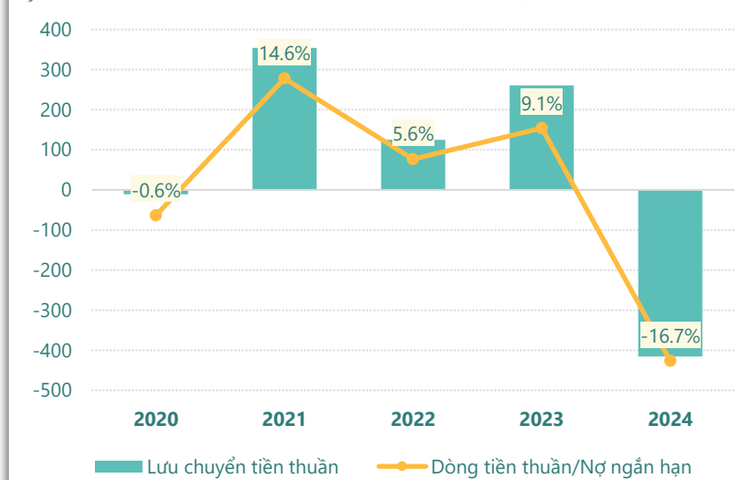
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**1,176**	**745**	**57.9%**	**2,845**	**2,131**	**33.5%**
Giá vốn hàng bán	1,041	658	58.2%	2,397	1,791	33.9%
Lợi nhuận gộp	135	86.8	55.7%	448	340	31.8%
Doanh thu HĐTC	5.24	3.83	36.9%	12.1	13.9	-13.0%
Chi phí TC	29.6	29.4	0.6%	86.1	85.9	0.3%
Chi phí lãi vay	29.5	29.4	0.4%	85.9	85.5	0.5%
LN trong công ty LKLD	**5.56**	**0.00**		**5.56**	**0**	
Chi phí bán hàng	1.02	0.29	253%	3.41	1.38	148%
Chi phí QLDN	**13.6**	**24.9**	**-45.5%**	**57.5**	**67.4**	**-14.7%**
LN thuần từ HĐKD	102	36.0	183%	319	199	59.9%
Lợi nhuận khác	**-3.14**	**-5.47**	**42.7%**	**-3.90**	**-4.03**	**3.1%**
LN trước thuế	98.7	30.6	223%	315	195	61.2%
Lợi nhuận sau thuế	**83.3**	**22.2**	**275%**	**288**	**172**	**67.0%**
LNST của CĐ cty mẹ	**72.1**	**19.8**	**264%**	**209**	**126**	**66.3%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	93.7	10.5	71.8	-135	-947	-45.7
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-204	-11.1	-48.9	-32.8	20.3	-316
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-94.0	65.5	115	-77.5	1,053	70.0
Tiền đầu kỳ	1,018	814	879	1,017	771	897
Lưu chuyển tiền thuần	**-204**	**64.9**	**138**	**-245**	**126**	**-292**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	814	879	1,017	771	897	605

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**7,210**	**6,419**	**12.3%**
Tài sản ngắn hạn	4,176	3,527	18.4%
Tiền và tương đương tiền	605	1,017	-40.4%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	63.9	69.5	-8.0%
Phải thu ngắn hạn	1,261	1,107	14.0%
Hàng tồn kho	2,128	1,222	74.1%
Tài sản ngắn hạn khác	118	113	4.7%
Tài sản dài hạn	**3,034**	**2,891**	**4.9%**
Phải thu dài hạn	2.86	32.0	-91.1%
Tài sản cố định	2,096	2,200	-4.7%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	751	494	52.1%
Đầu tư tài chính dài hạn	63.7	11.0	477%
Tài sản dài hạn khác	**120**	**155**	**-22.5%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	4,405	3,806	15.7%
Nợ ngắn hạn	**1,840**	**2,481**	**-25.8%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,010	1,144	-11.7%
Phải trả người bán ngắn hạn	187	415	-54.9%
Nợ dài hạn	2,564	1,325	93.6%
Vay và nợ thuê dài hạn	2,564	1,324	93.7%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**2,805**	**2,613**	**7.4%**
Vốn chủ sở hữu	**2,805**	**2,613**	**7.4%**
Vốn điều lệ	1,008	630	60.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)